

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
Số: 1506/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương về “Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 26/TTr-SYT ngày 21/5/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh (Quy định kèm theo).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- UBNDTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành (18);
- UBND huyện, tx, tp;
- LĐVP, Thái, TH, TTCS, Website tỉnh; H
- Lưu VT.

K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trần Thanh Liêm

**QUY ĐỊNH**

**Phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với  
cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định: 1506/QĐ-UBND ngày 15/16/2015 của UBND tỉnh)*

**Chương I:  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:**

1. Quyết định này quy định việc phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giữa Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

2. Việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình, nước đá không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này;

3. Trường hợp Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quy định khác với quy định này thì áp dụng quy định của Thông tư đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng:** áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ:**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: là cơ sở sản xuất thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thực phẩm do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cấp;

2. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ là cơ sở kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thực phẩm do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cấp;

**Điều 4. Nguyên tắc phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm:**

1. Bảo đảm việc quản lý tập trung, thống nhất trong tỉnh, đồng thời phân công trách nhiệm hợp lý đối với các cơ quan quản lý được giao thẩm quyền quản lý an toàn thực phẩm, nhằm tránh chồng chéo hoặc bỏ sót. Các cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong phạm vi được phân công quản lý.



2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý an toàn thực phẩm.

3. Bảo đảm nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

4. Phân công quản lý gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đối với trách nhiệm của cơ quan, bộ phận cấp huyện được giao nhiệm vụ quản lý an toàn thực phẩm.

## **Chương II:**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NHỎ LÊ**

**Điều 5. Trách nhiệm của Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương:**

Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương:

1. Hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu, câu hỏi phục vụ cho công tác xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ cải thiện điều kiện và chất lượng an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

3. Chỉ đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm cấp Giấy tiếp nhận công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm do cơ sở sản xuất nhỏ lẻ chế biến theo Quy định tại Chương II, Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn thực phẩm và Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

4. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 20, 21, 22 Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/04/2012 của Chính phủ;

b) Quy trình thực hiện thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm;

c) Giám sát ô nhiễm thực phẩm đối với từng nhóm thực phẩm theo thẩm quyền;

c) Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm; giải quyết các khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị về an toàn thực phẩm;

d) Bố trí sắp xếp cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trong các chợ trên địa bàn tỉnh;

**Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

2. Chỉ đạo Phòng Y tế, Phòng Kinh tế và Trung tâm Y tế thực hiện nhiệm vụ về quản lý an toàn thực phẩm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ban hành các văn bản triển khai và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn, biện pháp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các cơ quan chuyên môn tuyến tỉnh về công tác quản lý an toàn thực phẩm chuyên ngành;

b) Tuyên truyền, hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ chấp hành quy định pháp luật về an toàn thực phẩm theo phân công quản lý;

c) Điều tra thống kê đầy đủ danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn theo Mẫu 1 đính kèm quy định này;

d) Tổ chức giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, phân tích, đánh giá và cảnh báo nguy cơ ô nhiễm; triển khai công tác phòng ngừa, khắc phục ngộ độc thực phẩm, sự cố an toàn thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn;

đ) Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành an toàn thực phẩm tuyến tỉnh thuộc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương thực hiện thanh, kiểm tra chuyên ngành công tác quản lý an toàn thực phẩm khi có yêu cầu;

g) Định kỳ báo cáo tình hình an toàn thực phẩm theo quy định hàng quý, 6 tháng, năm và các vụ việc đột xuất.

**Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Phòng Y tế, Phòng kinh tế và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố.**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Phòng Kinh tế:

a) Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Điều 63 của Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

b) Thực hiện cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ được phân công quản lý theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7 của Quy định này;



c) Thực hiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 16/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ được phân công quản lý theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7 của Quy định này;

d) Triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền an toàn thực phẩm, vận động nhân dân tham gia giám sát, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm;

đ) Tổ chức hậu kiểm việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

e) Định kỳ báo cáo tình hình an toàn thực phẩm theo hàng quý, 6 tháng, năm, các vụ việc đột xuất theo Mẫu 2 đính kèm Quy định này và danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo Mẫu 1 của Quy định này cho Phòng Y tế.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Trung tâm Y tế các huyện, thị, thành phố:

a) Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc quản lý của ngành Y tế và ngành Công Thương theo quy định tại Điều 62 và 64 của Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 (*Trừ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình, nước đá*);

b) Quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ chưa được thể chế tại Quy định này;

c) Thực hiện cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT- BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ được phân công quản lý theo quy định tại điểm a và b, khoản 2, Điều 7 của Quy định này;

d) Thực hiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ được phân công quản lý theo quy định tại điểm a và b; khoản 2, Điều 7 của Quy định này;

đ) Triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền an toàn thực phẩm, vận động nhân dân tham gia giám sát, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm;

e) Tổ chức hậu kiểm việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giám sát việc chấp hành các quy

định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

g) Định kỳ báo cáo tình hình an toàn thực phẩm hàng quý, 6 tháng, năm, các vụ việc đột xuất theo Mẫu 2 đính kèm Quy định này và danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo Mẫu 1 của Quy định này cho Phòng Y tế.

3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố:

a) Là Bộ phận thường trực phối hợp với phòng Kinh tế, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

b) Chủ trì đoàn công tác kiểm tra liên ngành đối với tất cả cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;

c) Tổng hợp báo cáo từ Phòng Kinh tế, Trung tâm Y tế về tình hình an toàn thực phẩm theo quy định hàng quý, 6 tháng, năm và các vụ việc đột xuất theo Mẫu 2 đính kèm Quy định này.

**Chương III:  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

1. Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và Sở Công Thương tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Y tế để tổng hợp, nghiên cứu và có ý kiến đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./#

**KI. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Trần Thanh Liêm



(Dùng cho Phòng Y tế, Phòng Kinh tế và Trung tâm Y tế)

Quyết định số: 1566/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....Ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NHỎ LẺ**

Báo cáo: .....năm 20.....

**I. Thông tin chung:**

| TT | Loại hình   | Sản xuất nhỏ lẻ |                    | Kinh doanh nhỏ lẻ |                    | Tổng số |
|----|---|-----------------|--------------------|-------------------|--------------------|---------|
|    |   | Có Giấy ĐKKD    | Không có Giấy ĐKKD | Có Giấy ĐKKD      | Không có Giấy ĐKKD |         |
| 1  | Nông sản tươi sống (Rau, củ, trái cây, thịt, thủy, hải sản) |                 |                    |                   |                    |         |
| 2  | Thực phẩm đã qua chế biến thuộc Phòng Kinh tế quản lý       |                 |                    |                   |                    |         |
| 3  | Thực phẩm đã qua chế biến thuộc Trung tâm Y tế quản lý      |                 |                    |                   |                    |         |
|    | Cộng  |                 |                    |                   |                    |         |

**II. Các hoạt động**

**1. Tuyên truyền giáo dục**

| TT | Hình thức           | Số lượng (lượt, lần) | Thời gian thực hiện | Số người tham dự |
|----|---------------------|----------------------|---------------------|------------------|
| 1  | Nói chuyện          |                      |                     |                  |
| 2  | Tập huấn            |                      |                     |                  |
| 3  | Hội thảo            |                      |                     |                  |
| 4  | Phát thanh          |                      |                     |                  |
| 5  | Truyền hình         |                      |                     |                  |
| 6  | Báo viết            |                      |                     |                  |
| 7  | Băng rôn, khẩu hiệu |                      |                     |                  |
| 8  | Tranh áp – phích    |                      |                     |                  |
| 9  | Tờ gấp              |                      |                     |                  |
| 10 | Băng, đĩa hình      |                      |                     |                  |
| 11 | Băng, đĩa âm        |                      |                     |                  |
| 12 | Khác.....           |                      |                     |                  |

2. Hoạt động cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm

| TT | Loại hình          | Tổng số cơ sở | Cấp mới | Cộng dồn tích lũy |
|----|--------------------|---------------|---------|-------------------|
| 1  | Cơ sở SX thực phẩm |               |         |                   |
| 2  | Cơ sở KD thực phẩm |               |         |                   |
|    | Cộng               |               |         |                   |

3. Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

| TT | Đơn vị cấp     | Tổng số cơ sở trong diện cấp giấy | Cấp mới | Cộng dồn tích lũy |
|----|----------------|-----------------------------------|---------|-------------------|
| 1  | Phòng Kinh tế  |                                   |         |                   |
| 2  | Trung tâm Y tế |                                   |         |                   |
|    | Cộng           |                                   |         |                   |

4. Công tác thanh, kiểm tra:

4.1. Tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra: .....đoàn; Trong đó: đoàn chuyên ngành:.....đoàn liên ngành: .....

4.2. Kết quả thanh, kiểm tra:

| TT | Loại hình          | Kết quả  |                                   |        |         |
|----|--------------------|----------|-----------------------------------|--------|---------|
|    |                    | TS cơ sở | Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra | Số đạt | (%) đạt |
| 1  | Cơ sở SX thực phẩm |          |                                   |        |         |
| 2  | Cơ sở KD thực phẩm |          |                                   |        |         |
|    | Cộng               |          |                                   |        |         |

4.3. Xử lý vi phạm hành chính:

| TT | Loại hình          | Số cơ sở vi phạm được xử phạt |           |   |
|----|--------------------|-------------------------------|-----------|---|
|    |                    | Phạt cảnh cáo                 | Phạt tiền | Phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả |
| 1  | Cơ sở SX thực phẩm |                               |           |   |
| 2  | Cơ sở KD thực phẩm |                               |           |   |
|    | Cộng               |                               |           |   |

- Liệt kê hành vi vi phạm : .....

.....

.....

- Tổng số tiền xử phạt : .....

- Liệt kê hình thức phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả:

.....

5. Kiểm nghiệm đánh giá chất lượng sản phẩm:



### 5.1 Test nhanh (định tính)

| TT          | Tên mẫu | Test Hóa học |          | Test Vi sinh |          |
|-------------|---------|--------------|----------|--------------|----------|
|             |         | TS           | (+) tính | TS           | (+) tính |
| 1           |         |              |          |              |          |
| 2           |         |              |          |              |          |
| <b>Cộng</b> |         |              |          |              |          |

### 5.2 Xét nghiệm định lượng

| TT          | Tên mẫu | Kết quả |         |       |
|-------------|---------|---------|---------|-------|
|             |         | Tổng số | Đạt (+) | % đạt |
| 1           |         |         |         |       |
| 2           |         |         |         |       |
| <b>Cộng</b> |         |         |         |       |

### 6. Hoạt động khác:

.....  
 .....

### III. Đánh giá chung:

#### 1. Nhận xét (dựa trên các bảng trong phần II):

.....  
 .....

#### 2. Đánh giá (thuận lợi, tồn tại ...)

.....  
 .....

#### 3. Kiến nghị:

.....  
 .....

#### Nơi nhận:

- Chi cục ATVSTP;
- Chi cục QLCLNLTHS;
- UBND...;
- Phòng Y tế;
- Lưu.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên đóng dấu)*

**Mẫu 1***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1506/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....Ngày tháng năm 20...

**DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NHỎ LẺ***thuộc Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Y tế, Trung tâm Y tế) quản lý.*

| TT                                | Tên cơ sở | Địa chỉ | Điện thoại | Nhóm thực phẩm | Xác nhận<br>kiến thức<br>(C/K) | GCN CS<br>đủ điều<br>kiện ATTP<br>(C/K) | Ghi chú |
|-----------------------------------|-----------|---------|------------|----------------|--------------------------------|---|---------|
| <b>Cơ sở sản xuất thực phẩm</b>   |           |         |            |                |                                |   |         |
| 1                                 |           |         |            | Ngũ cốc        |                                |   |         |
| 2                                 |           |         |            | Thịt           |                                |   |         |
| 3                                 |           |         |            | Thủy sản       |                                |   |         |
| 4                                 |           |         |            | Trứng          |                                |   |         |
| ...                               |           |         |            | ....           |                                |   |         |
| <b>Cơ sở kinh doanh thực phẩm</b> |           |         |            |                |                                |   |         |
| 1                                 |           |         |            | ...            |                                |   |         |

*Ghi chú: Nhóm thực phẩm: ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả, trứng và các sản phẩm từ trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và các sản phẩm từ mật ong, thực phẩm biến đổi gen, muối, rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột....; (C/K): chữ viết tắt "C": có; "K": Không, chỉ ghi C hoặc K vào cột tương ứng.*

**Nơi nhận:**

- Chi cục ATVSTP;
- Chi cục QLCLNLSTHS;
- UBND;
- Phòng Y tế;
- Lưu.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên đóng dấu)*